

Số: *07*./2018/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày *02* tháng 8 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý,
sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt
động sự nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định về sắp xếp lại, xử lý tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của
Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản
và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;*

*Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2018 của
Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-
CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của
Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của
Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm
duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực
lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ
chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội,
tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 2912/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định phân
cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc*



phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Bãi bỏ Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND ngày 03 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức được nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức được nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, tài sản xác lập sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 06 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận: *b*

- UBND Quốc hội, Chính phủ
- Bộ Tài chính, Ban công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Vp: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Đắk Nông, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Công báo Đắk Nông;
- Chi cục Văn thư – Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, TH, TT-DN, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Diễm

QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .07../2018/NQ-HĐND ngày .02. tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông, đối với tài sản công quy định tại Điều 20 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể:

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
2. Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
3. Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị;
4. Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu;
5. Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước;
2. Đơn vị sự nghiệp công lập;
3. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc đối tượng áp dụng quy định Điều 6 Quy định này;
4. Tổ chức Chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức khác thành lập theo quy định của pháp luật về hội;
5. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, mua sắm đối với:

- a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
- b) Xe ô tô, xe mô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác;
- c) Gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức tương đương cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Thủ trưởng đơn vị cấp tỉnh) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Gia Nghĩa (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện): Quyết định mua sắm tài sản hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; đối với các đơn vị cấp tỉnh không có đơn vị trực thuộc: Thủ trưởng đơn vị cấp tỉnh quyết định gói mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 500.000.000 đồng.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn kinh phí được giao có giá trị mua sắm dưới 100.000.000 đồng.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ cho các đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ trưởng đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản khác (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ hoạt động.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 5. Thẩm quyền thu hồi tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

c) Xe ô tô, xe mô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác;

d) Máy móc, thiết bị, quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và tài sản khác theo quy định của pháp luật có giá trị thu hồi (tính theo nguyên giá trên sổ sách kế toán) từ 500.000.000 đồng trở lên tại các đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này): Giá trị thu hồi tài sản tính theo nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500.000.000 đồng tại các đơn vị cấp tỉnh; Giá trị thu hồi tài sản tính theo nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng tại các đơn vị cấp huyện.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện quyết định thu hồi tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương, có giá trị thu hồi tính theo nguyên giá trên sổ sách kế toán (trừ tài sản theo định tại khoản 1, khoản 2 Điều này), cụ thể:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

b) Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thu hồi tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng.

Điều 6. Thẩm quyền điều chuyển tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển các tài sản sau:

- Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

- Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

- Xe ô tô, xe mô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác.

- Máy móc, thiết bị, Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển máy móc, thiết bị, Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) trong nội bộ ngành hoặc các đơn vị trực thuộc quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán các tài sản sau:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

c) Xe ô tô, xe mô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác;

d) Máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Thủ trưởng đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán các tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán đối với tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô, xe mô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác;

c) Máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Thủ trưởng đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản khác (trừ tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá từ 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm tài sản quy định tại Điều 3 Quy định này thì quyết định tiêu hủy tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm tài sản quy định tại Điều 3 Quy định này thì quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Thẩm quyền xử lý tài sản công được thực hiện theo quy định từ Điều 5 đến Điều 10 Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập sở hữu toàn dân đối với tài sản:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại điểm này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án tài sản của người bị kết án tịch thu; tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa hưởng hóa tồn đọng (trừ các loại tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia) thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản xác lập sở hữu toàn dân đối với tài sản quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, gồm:

a) Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác; quyết định thu hồi; quyết định bán; quyết định thanh lý, quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản kết cấu

hạ tầng thủy lợi có giá trị đầu tư hoặc nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 1.000.000.000 đồng trở lên;

b) Quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước;

c) Điều chuyển tài sản tài sản hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác; quyết định thu hồi; quyết định bán (trừ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước); quyết định thanh lý; quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có giá trị đầu tư hoặc nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 1.000.000.000 đồng.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài sản công

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm khai thác và sử dụng tài sản được nhà nước giao tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn. Thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định Luật Quản lý, sử dụng công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thực hiện việc quản lý nhà nước đối với tài sản công trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định liên quan đến thẩm quyền đã được phân cấp tại Quy định này. /.

CHỦ TỊCH



Lê Diễn